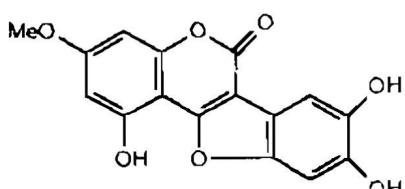


Bộ phận hoạt chất có tác dụng bảo vệ gan trong nhọ nồi là một dàn chất coumestan là wedelolacton, stigmasterol và sitosterol bên cạnh chất demethyl wedelolacton.

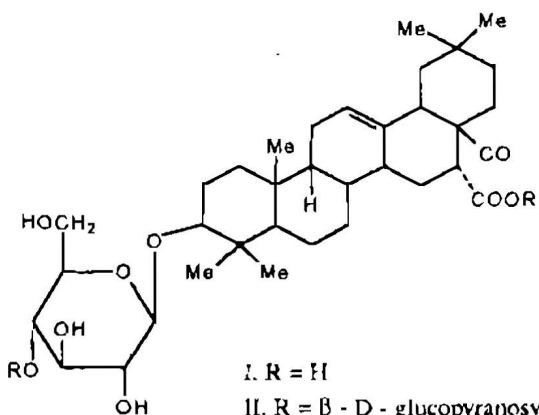


Wedelolacton

(Das Nilamadhab, Bhavsar G.C, CA. 114, 1991, 182038w)

Các glucosid với bộ khung olean là eclipta saponin I - VI đã được phân lập từ nhọ nồi với cấu trúc được xác định là glucosid của acid echinocystic (Yahara, Shipji, Ding Ning, Nohara toshihiro; CA, 121, 1994, 25122k).

Gần đây Zang, Mei Chung Yayan đã chiết được 2 triterpen glycosid là ecliptasapopin A (I) và eclipta saponin B (II) cùng với các acid echinocystic và oleanolic. Cấu trúc của ecliptasaponin (I) được xác định là 3β , 16α dihydroxy olean - 12 - 28 - oic acid - 3β - O - β - D. glucopyranosid và ecliptasaponin (II) là 3β - O [β - D - glucopyranosyl (1 → 4) - β - D - glucopyranosyl - 1 α hydroxy olean 12 en 28 oic acid - 28 - O - β - D - glucopyranosid. (CA, 126, 1997, 87067u).



Một glycosid triterpenoid mới cũng được các tác giả trên phân lập là eclipta saponin C cùng với daucosterol và stigmasterol - 3 - O - glucosid. Cấu trúc của saponin C này là 3β - O - β - D - glucopyranosyl - 19 β - hydroxy olean - 12 - en - 18, oic acid - 28 - O - β - D - glucopyranosid. (CA, 126, 1997, 303681j).

Nho nồi còn chứa tanin, tinh dầu, chất đắng và một lượng nhỏ các alkaloid như nicotin 0,078% (theo trọng lượng khô) ecliptin.. Hàm lượng các alkaloid trong cây tăng lên đến 8,28% khi xử lý với 0,5% ethylenimine (so sánh với 1% không xử lý) (Hassk Agarwal... CA. 108, 1988, 33561k).

Tác dụng dược lý

Nho nồi có tác dụng cầm máu do làm tăng tổng lượng prothrombin trong máu, giống như cơ chế tác dụng của vitamin K. Hoạt tính cầm máu của 1g bột nhọ nồi khô tương đương 1,33mg vitamin K.

- Khi dùng dài ngày, có tác dụng chống choáng phản vệ, kháng histamin và giảm viêm. Khác với các thuốc kháng histamin tổng hợp, nho nồi không kháng được tác dụng của histamin liều cao, gây choáng và chết

- Có tác dụng ức chế các chủng vi khuẩn: liên cầu, tụ cầu khuẩn vàng, trực khuẩn bạch hầu, *Bacillus anthracis*, *Bacillus subtilis*.

- Có độc tính rất thấp, có giới hạn an toàn rộng.

Các chế phẩm sirô và viên nén bào chế từ cao nho nồi đã được áp dụng cho 500 bệnh nhân và theo dõi kết quả điều trị tại bệnh viện và nhà hộ sinh cho thấy các tác dụng sau:

- Cầm máu tốt và trong vài trường hợp cá biệt, tác dụng này của nhọ nồi thể hiện rõ rệt hơn cả tác dụng của vitamin K.

- Nâng cao tổng lượng prothrombin máu rõ rệt trong các trường hợp suy gan.

- Chống viêm nhiễm trong các trường hợp cảm sốt, cúm, nhiễm khuẩn đường hô hấp nhẹ cấp tính nhẹ và trung bình, mụn nhọt, viêm cơ.

- Đề phòng nhiễm khuẩn sau khi mổ ổ bụng, mổ cắt ruột thừa, đặt vòng, nạo thai.

- Chống làm lành các vết cắt, vết mổ trong các phẫu thuật, làm đóng giả mạc sớm và tốt trong các trường hợp cắt amidan, làm chống khô và không tu máu ở các vết mổ ở bụng.

- Không có biểu hiện độc khi dùng liều hàng ngày 40 - 100g tươi trong 15 ngày liền.

Cao lỏng lá nhọ nồi đã được áp dụng để điều trị 70 bệnh nhân bị viêm âm đạo (23 người do tạp khuẩn, 26 do nấm và 21 do *Trichomonas*). Trước khi áp dụng thuốc, thụt âm đạo bằng nước chín. Sau đó, tẩm cao lỏng lá nhọ nồi vào một bắc, bôi khắp diện âm đạo. Sau 6 - 8 giờ, bệnh nhân tự rút bắc ra. Tỷ lệ bệnh nhân khỏi và đỡ đỡ với viêm âm đạo do tạp khuẩn: 86,3%, đỡ với nấm: 73%, đỡ với *Trichomonas*: 61,9%.

Bài thuốc có nhọ nồi và 7 vị thuốc khác đã được áp dụng để điều trị viêm âm đạo do *Trichomonas* thể hư chứng, phổi hợp với một bài thuốc khác dùng ngoài. Kết quả điều trị trên 68 bệnh nhân: khỏi 80,8%, đỡ 11,7%.

Trên lâm sàng, đã dùng cao cám máu bào chế từ nhọ nồi và 4 dược liệu khác thay hoàn toàn nước oxy già trong 697 ca cắt amidan, 3162 ca nạo VA (sùi vòm họng) và 417 ca nhổ răng, không có tai biến nào.

Mỗi bài thuốc cám máu gồm nhọ nồi và các kèn đã được nghiên cứu được lý và áp dụng trên lâm sàng. Về được lý, bài thuốc có độc tính thấp, không ảnh hưởng trên tim, huyết áp và hô hấp, có tác dụng lợi tiểu, làm tăng sự bền vững của thành mạch, làm tăng số lượng tiểu cầu trong máu thỏ, làm giảm thời gian máu đông và rút ngắn thời gian máu chảy. Trên lâm sàng, thuốc không gây các phản ứng phụ, không có hiện tượng dị ứng, không làm hạ huyết áp, có tác dụng lợi tiểu, không làm thay đổi pH, ion đồ và tỷ trọng của nước tiểu.

Một bài thuốc khác gồm nhọ nồi và 7 dược liệu khác đã được áp dụng cho 24 bệnh nhân viêm gan virus, kết quả tốt cả về lâm sàng và xét nghiệm sinh hóa ở 22 bệnh nhân.

Chế phẩm bào chế từ 3 dược liệu: nhọ nồi, buyaen sâm, sài đất đã được áp dụng để điều trị các bệnh nhân cao huyết áp. Chế phẩm này đã có các tác dụng như sau: an thần ở 66,66% bệnh nhân, hạ áp ổn định ở 66,66% bệnh nhân; lợi tiểu (tăng lượng nước tiểu 300 - 400ml/ngày) ở 63,38% bệnh nhân, thuốc không gây phản ứng phụ khi dùng điều trị lâu dài.

Bài thuốc trong có nhọ nồi và 12 dược liệu khác dùng điều trị sốt xuất huyết, đã làm sởi từ từ, tránh được hạ nhiệt độ đột ngột, đồng thời có tác dụng ngăn chặn chảy máu, làm giảm nhẹ bệnh trạng.

Rễ nhọ nồi có tác dụng gây nôn và tẩy. Cao chồi cây có tác dụng kháng sinh đối với tụ cầu vàng và *Escherichia coli*.

Cây nhọ nồi có hoạt tính kháng siêu vi khuẩn bệnh Ranikhet *in vitro*, gây hạ áp nhất thời và có tác dụng chống co thắt trên hối tràng có lấp chuột lang.

Cao nhọ nồi có tác dụng bảo vệ chống nhiễm độc gan gây bởi carbon tetrachlorid ở chuột nhắt và tăng tiết mật ở chuột cống trắng.

Một thuốc cổ truyền Ấn Độ gồm nhọ nồi và 6 dược liệu khác có tác dụng điều trị tốt trên 30 bệnh nhân có sỏi thận. Sỏi được tống ra qua nước tiểu là những kết tinh calci carbonat hoặc calci oxalat trong vòng 15 - 30 ngày. Những triệu chứng khác kết hợp với sỏi thận cũng được chữa khỏi.

Bài thuốc trong có nhọ nồi và 8 dược liệu khác đã được áp dụng để điều trị sỏi niệu quản rái ra máu nhiều. Có 51 ca trong tổng số 89 bệnh nhân được điều trị đạt kết quả tốt (57,3%) và 15 ca có tiến bộ (16,8%).

Tính vị, công năng

Nhỏ nồi có vị ngọt chua, mặn, tính mát, có tác dụng bổ thận, mạnh xương, đen tóc, mát huyết, cầm máu, giải độc.

Công dụng

Nhỏ nồi thường được dùng làm thuốc bổ máu, cầm máu bên trong và bên ngoài, chữa ho ra máu, ly ra máu, rong kinh, băng huyết, chảy máu cam, trĩ ra máu, nôn ra máu, rái ra máu, bi thương chảy máu. Còn dùng chữa ban sởi, ho, hen, viêm họng, bong, lao phổi, di mộng tinh, bệnh nấm ở da, làm thuốc mọc tóc (sắc uống hoặc ngâm vào dầu dừa mà bôi) và nhuộm tóc.

Mỗi ngày dùng 20g cây khô, dưới dạng thuốc sắc uống. Dùng tươi 30 - 50g, giã vắt lấy nước uống, còn bã đắp vết thương.

Trong y học cổ truyền Trung Quốc, nhọ nồi được dùng làm thuốc bổ toàn thân và cầm máu, có trong thành phần thuốc mỡ để điều trị một số bệnh của da. Liều dùng một lần: 4 - 6g, dạng thuốc sắc uống.

Ở Ấn Độ, nhọ nồi được dùng làm thuốc bổ và chữa ứ tắc trong các bệnh phì đại gan và lách, và chữa một số bệnh về da. Dịch ép cây được dùng phối hợp với một số chất thơm để chữa vàng da xuất tiết. Dịch ép lá cây được dùng cùng với mật ong để chữa sổ mũi ở trẻ nhỏ. Một chế phẩm làm từ dịch ép lá nhọ nồi đun nóng với dầu dừa hoặc dầu vừng được dùng để bôi dầu làm tóc mọc dày và đẹn. Cây tươi có tác dụng giảm đau và thấm hút. Nó được trộn với gôm để chữa đau răng và đắp với một ít dầu để trị nhức đầu. Nó cũng được đắp với dầu vừng để trị phù voi. Cây nhọ nồi được dùng làm chất nhuộm để xăm hình. Lá nhọ nồi được dùng làm rau ăn ở Java, và làm gia vị ở một số vùng Ấn Độ.